

Số: 74/2021/DS-ST

Ngày: 25/11/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56A/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1956;

2/ Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Do chỗ quen biết, nên ngày 15/8/2019 (âm lịch), bà có cho vợ chồng ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị S vay số tiền 44.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, mục

đích để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vay tiền có lập giấy nợ do bà S ký tên, cam kết đến cuối năm 2019 sẽ hoàn trả lại số tiền đã vay cho bà. Nhưng từ khi vay đến nay ông H, bà S không đóng lãi, cũng không trả lại tiền vốn cho bà dù đã nhiều lần bà yêu cầu ông H, bà S trả lại số tiền đã vay cho bà. Do đó, bà yêu cầu ông H, bà S liên đới trả cho bà số tiền vay là 44.000.000đ và tiền lãi từ 15/8/2019 âm lịch đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 15/4/2021 âm lịch là $44.000.000 \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} = 7.304.000\text{đ}$, tổng cộng là 51.304.000đ

Tại phiên tòa: Bà xin rút lại yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu ông H, bà S trả lại cho bà số tiền vốn là 44.000.000đ

- Bị đơn ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị S vắng mặt trong suốt trong quá trình tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị S, ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng ông H, bà S vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà ông H, bà S.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ph số tiền vay là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng). Chứng cứ để bà Ph khởi kiện ông H, bà S là tờ giấy biên nhận ngày 15/8/2019 có nội dung “ngày 15/8/2019 chị 7 H có mượn cô 5 fên 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu đồng chẵn), trong năm nay chị hứa sẽ trả, không tính lãi nữa...ký tên chị 7 H Huỳnh Thị S”. Tòa án huyện Ba Tri đã tổng đạt thông thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H, bà S nhưng ông H bà S vắng mặt và không có văn bản hay đưa ra chứng cứ nào phản bác yêu cầu của bà Ph. Do đó, bà Ph khởi kiện yêu cầu ông H, bà S có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa bà Ph rút một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 7.304.000đ, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ph là tự nguyện đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu đối với số tiền là 7.304.000đ (bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng)

[4] Bà S và ông H là vợ chồng, hiện đang cùng làm ăn, chung sống phát triển kinh tế gia đình. Số tiền ông H, bà S vay của bà Ph cũng với mục đích phát triển kinh tế gia đình. Do đó bà Ph yêu cầu ông H, bà S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ph số tiền đã vay là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ph được chấp nhận và ông H, bà S không có đơn xin miễn nộp án phí nên bà Huỳnh Thị S, ông Trần Văn H phải liên đới nộp án phí là: $44.000.000 \times 5\% = 2.200.000$ đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 217, 227, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

Buộc bà Huỳnh Thị S, ông Trần văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị S, ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Do bà Nguyễn Thị Ph được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Duy Linh